

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HS-ST
Ngày 23/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thường

Thẩm phán: Bà Vũ Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quy

Ông Lê Văn Nguyên

Bà Đinh Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HS ngày 10/3/2021 đối với:

*** Các bị cáo:**

1. Ngô Quang T, sinh năm 1993 tại: TP. S, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Khu phố T, phường Q, TP. S, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Ngô Quang H, con bà: Nguyễn Thị H; vợ: Ngô Thị H có 01 con sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/5/2020 hiện đang bị tạm giam tại trạm tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo T: Luật sư Nguyễn Khắc Anh – Văn phòng luật sư Hoàng Gia – Đoàn luật sư tỉnh Hưng Yên (có mặt).

2. Nguyễn Xuân A, sinh năm 1991 tại: TP. S, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Khu phố Y, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: lái xe;

con ông: Nguyễn Xuân T (đã chết), con bà: Đào Thị L; vợ: Dư Thị Th có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/8/2020 hiện đang bị tạm giam tại trạm tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (có mặt)

* Người bào chữa cho bị cáo A: Luật sư Bùi Đình S – Văn phòng luật sư Phúc S – Đoàn luật sư tỉnh Hưng Yên; địa chỉ: Số 35 Nam Thành, phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

3. Vũ Tiến D, sinh năm 1994 tại: TP. S, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Khu phố Q, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Vũ Tiến K, con bà: Vũ Thị S; vợ: Trương Thị Tr có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

* **Bị hại:** Công ty cổ phần Z.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Trung H – Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Z (vắng mặt).

Địa chỉ: số 08, BT03 khu đô thị V, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Việt A, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu I, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa;

- Anh Ngô Quang H, sinh năm 1970; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, T, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, T, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa.

* **Người làm chứng:**

- Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

- Chị Lê Lan P, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn X, xã K, huyện G, TP Hà Nội;

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Khu phố Q, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa;

- Anh Lương Sỹ T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Khu phố Q, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa;

- Anh Văn Thanh T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu phố 2, T, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa;

- Anh Nguyễn Việt Đ, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Khu phố 2, T, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa;

- Anh Văn Đình T, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Khu phố T, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa;

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu phố T, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa;

- Anh Nguyễn Việt V, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Khu phố T, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa;
- Anh Hoàng Ngọc T, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Khu phố Q, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa;
- Anh Vũ Tiến C, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Khu phố 1 Q, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa;
- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1993;
Địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện H, TP Hà Nội;
- Chị Lê Thị H, sinh năm 1978;
Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh;
- Anh Đặng Văn M, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Số 28 thôn H, xã T, huyện T, TP Hà Nội.
- Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Xóm N, thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội.
Những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2019 qua tìm hiểu trên mạng internet, Nguyễn Viết A, biết số điện thoại của anh Nguyễn Thanh S là phó Tổng giám đốc Công ty Z, công ty có lô hàng nhôm tái sử dụng cần thanh lý. Nguyễn Viết A đã liên lạc với anh S hỏi mua, do Nguyễn Viết A trả giá thấp nên anh S không đồng ý. Sau đó, Nguyễn Viết A thông báo cho Ngô Quang T biết, T bảo Nguyễn Viết A giới thiệu cho mối hàng trên, nếu mua được sẽ gửi Nguyễn Viết A tiền bồi dưỡng sau. T liên lạc với công ty, đến sáng ngày 21 hoặc 22/10/2019, T đi xe mô tô đến nhà máy của công ty gặp anh S, hai bên đã thỏa thuận và thống nhất giá mua, bán là 45.000đ/kg nhôm tái chế.

Khi ra về, qua tham khảo thị trường, T biết giá nhôm phế liệu bán khoảng từ 30.000đ – 35.000đ/kg. Do trả giá cao nên T nảy sinh ý định gian lận A tải về chiếm đoạt hàng của công ty Z. T nhờ anh Lương Sỹ T, tìm xem chỗ nào thu mua nhôm phế liệu để bán hàng nhôm. Qua tìm hiểu trên mạng và một số người bạn, anh Th biết được chị Lê Thị H ở Bắc Ninh là người có nhu cầu thu mua phế liệu. Anh Th đã cho T số điện thoại, T liên hệ trực tiếp và thống nhất bán cho chị H giá 33.000đ/kg nhôm.

T biết Vũ Tiến D có chiếc xe ô tô tải BKS 29C-980.20 có gắn sẵn thùng kim loại tự chế lắp ngay sau cabin đựng được khoảng 04m³ nước (*Thùng nước D gắn để chứa nước phục vụ vệ sinh trong quá trình chạy xe đường dài*), có thể gian lận được tải A khi cân xe nên ngày 25/10/2019, T thuê xe của D và nhờ D gọi hộ người bốc vác, D đồng ý nhưng do bận nên D đã gọi điện thuê Nguyễn Xuân A, chở hàng cho T và Nguyễn Văn N đi bốc hàng cho T, N đồng ý. Chiều tối cùng ngày, Nguyễn Xuân A gọi điện thoại cho T hỏi địa chỉ lấy hàng thì T hỏi: “*Có phải xe có thùng nước không?*”, Nguyễn Xuân A trả lời: “*Đúng rồi*” (*Do A đã nhiều lần chở hàng cho D nên biết xe có thùng nước tự chế*) T bảo

tiếp: “Ngày mai trước khi đi thì bơm đầy nước vào thùng tự chế”, A đồng ý. T liên hệ với chị Phạm Thị H, là bạn của T nhờ đi cùng để cầm tiền và thanh toán, chị H đồng ý và thuê thêm 08 người bốc vác gồm: Lương Sỹ T, Hoàng Ngọc T, Vũ Tiến C, Nguyễn Việt Đ, Nguyễn Việt V, Nguyễn Văn T, Văn Đình T, Văn Thanh T, đi bốc hàng cho T.

Sáng 26/10/2019, T thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova tại một cửa hàng cho thuê xe tự lái tại khu vực gần trường Đại học Thành Đô, chở chị H và 08 người bốc vác trên đến công ty Z để mua hàng; Nguyễn Xuân A lấy xe ô tô tải BKS 29C - 980.20 (chìa khóa xe D đã cắm tại ổ khóa điện trên xe) sau đó điều khiển đến cửa hàng rửa xe Khiêm Thanh, tại mặt đường vành đai 3, tổ dân phố 22, phường Y, quận H, TP. Hà Nội mua và bơm khoảng 04 khối nước vào thùng kim loại tự chế ở trên thùng xe ô tô và thanh toán cho anh Cao Bá Q, là chủ cửa hàng số tiền 100.000đ. Trên đường đi, T gọi điện thoại hỏi Nguyễn Xuân A: “Xe đã bơm nước chưa”, Nguyễn Xuân A nói: “Đã bơm đầy 04m³ nước rồi”. Sau đó, T bảo Nguyễn Xuân A chờ ở khu vực quốc lộ 5A rồi T điều khiển xe ô tô Inova đến dẫn đường đến Công ty Z lấy hàng.

Khi đến cổng Công ty Z, T gọi điện báo cho anh S. Anh S giao nhiệm vụ cho chị N và chị Lê Lan Ph, là Thủ kho kiêm kế toán kho của Công ty ra làm việc với T và giám sát việc bán hàng. T bảo mọi người người bốc vác xuống xe vào công ty chờ và bảo chị N và Ph lên xe ô tô của T rồi dẫn T đưa xe tải đi cân A tải tại trạm cân điện tử Công Dân. Khi đến trạm cân, các chị N và Ph cùng chị H vào phòng điều hành của trạm cân chụp ảnh khối lượng xe hiển thị trên đồng hồ là 11.035kg. Lợi dụng khi đang cân tải A xe, T bảo Nguyễn Xuân A lát nữa ra ngoài tìm chỗ vắng để xả hết nước đi, lúc này Nguyễn Xuân A hiểu rằng việc T bảo bơm nước vào thùng tự chế là để gian lận tải A xe ô tô nhưng Nguyễn Xuân A vẫn đồng ý giúp T. Sau khi cân xong, T nói dối chị N và chị Ph là để cho lái xe và công nhân đi ăn sáng nhằm mục đích để Nguyễn Xuân A có thời gian tìm chỗ vắng xả hết nước trong thùng sắt tự chế, T điều khiển xe ô tô Inova chở các chị N, Ph và H về công ty. Còn Nguyễn Xuân A điều khiển xe ô tô tải ra ngoài, cách trạm cân khoảng 400 - 500m đỗ vào rìa đường xả hết nước trong thùng tự chế, sau đó mới tiếp tục điều khiển xe vào kho của Công ty để bốc hàng nhôm. Khi mọi người đã bốc đầy xe, T điều khiển xe inova chở các chị N, Ph và H, còn Xuân A điều khiển xe ô tô tải quay lại trạm cân Công Dân để cân A tải xe và hàng, kết quả cân là 15.985kg. Nguyễn Xuân A và Th chở hàng đi bán cho chị H, còn T và mọi người về công ty để thanh toán tiền. Sau khi tính toán trừ khối lượng xe thì khối lượng hàng nhôm là 4.950kg, tương ứng với số tiền là 222.750.000 (*Hai trăm hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Khi Th và Nguyễn Xuân A gặp chị H, hai bên đã đưa xe ô tô tải vào trạm cân tại thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh để cân hàng (*không thu được phiếu cân, số lượng được thể hiện trên sổ của chị H*) hai bên đã tính khối lượng nhôm là

$9.022\text{kg} \times 33.000\text{đ}/01\text{kg} = 297.726.000\text{đ}$, chị H đã thanh toán số tiền trên cho anh Thành.

Chuyến hàng thứ hai cũng như chuyến hàng đầu tiên, T đã nói trực tiếp điện thoại với Nguyễn Xuân A “*Anh chạy tiếp giúp em, không phải bơm nước, cân bì xe nữa đâu*”, sau khi bốc hàng xong và cân khối lượng tại trạm cân Công Dân để tính ra khối lượng nhôm là 2.905kg, tương ứng với số tiền T phải thanh toán cho công ty là 130.725.000đ. Chị H đã thanh toán cho công ty đủ số tiền trên. Còn Th và Nguyễn Xuân A tiếp tục chở hàng đi bán cho chị H và tính được khối lượng nhôm là 6.949kg, tương ứng với số tiền 229.317.000đ. Th cầm số tiền trên về đưa cho T.

Chuyến hàng thứ ba, sau khi bốc hết hàng nhôm trong kho của công ty Z, do thời gian đã muộn nên trạm cân Công Dân đã đóng cửa nên phải đưa xe tải ra trạm cân Trà My cùng ở xã T, huyện V cách đó khoảng 01km để cân. Sau khi tính toán được khối lượng nhôm là 1.310kg, tương ứng với số tiền là 58.950.000đ. Nguyễn Xuân A và Thành tiếp tục chở hàng nhôm bán cho chị H được khối lượng là 5.340kg nhôm, tương ứng với số tiền 176.220.000đ. Anh Th cầm số tiền trên về đưa lại cho T. Khi bán hết hàng nhôm trong kho, chị N và T đã tổng hợp và ký vào một biên bản xác nhận khối lượng, số tiền thanh toán cả ba chuyến hàng là: 9.165kg tương ứng với số tiền: 412.425.000đ. Thực tế T đã bán cho chị H là: 21.311kg, tương ứng với số tiền 703.263.000đ. Như vậy T và Nguyễn Xuân A đã gian lận tải A của xe tải chiếm đoạt của công ty Z 12.146kg và được hưởng lợi số tiền 290.838.000đ. T đã chi cho Nguyễn Viết A 25.000.000đ (*tiền do môi giới*), Vũ Tiến D 30.000.000đ (*tiền thuê xe ô tô*), tiền bốc vác còn lại được hưởng lợi: 224.338.000đ T tiêu sài cá nhân hết.

Anh Nguyễn Viết A biết T đã gian lận tải A xe khi mua hàng của công ty Z, đến ngày 29/10/2019 anh Nguyễn Viết A đến công ty viết báo cáo sự việc và anh Viết A tự nguyện giao nộp lại cho công ty số tiền 20.000.000đ, còn lại số tiền 5.000.000đ đến ngày 26/8/2020 anh Viết A đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hưng Yên.

Tại bản kết luận định giá số 06 ngày 05/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện V xác định: 01kg nhôm thanh tồn kho dài khoảng 5,8m -6m và một số kích thước khác nhau tại thời điểm bị chiếm đoạt là ngày 26/10/2019 là 45.000 đồng/kg. Tổng khối lượng nhôm T chiếm đoạt là 12.146kg, tương ứng với số tiền là 546.570.000đ.

Tại bản kết luận giám định số 150 ngày 26/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Ngô Quang T dưới mục đại diện bên A tại Giấy biên nhận tiền ghi ngày 20/12/2019 là của Ngô Quang T.

Ngày 16/11/2019, T gọi điện thoại nói cho D biết về việc gian lận tải A đã bị Công ty phát hiện, đồng thời nói cho D biết việc sử dụng thùng nước tự chế

để gian lận tải A. T dặn D và Nguyễn Xuân A thống nhất việc khai báo tại Cơ quan điều tra là không khai việc sử dụng thùng nước để gian lận tải A xe mà chỉ khai đặt sắt lên thùng xe. Sau đó, T bảo D tháo thùng tự chế và đi thuê các tấm sắt đặt lên mặt sàn thùng xe để khi kiểm tra xe vẫn đủ khối lượng như thời điểm mua hàng của Công ty Z, mục đích để không bị phát hiện thủ đoạn gian lận của T. D hiểu làm như vậy là để giúp T che dấu thủ đoạn gian lận tải A xe của T và đồng ý thực hiện. Sau đó D ra một cửa hàng cơ khí ở phường T, quận H, TP Hà Nội để thuê bình oxy về kho cắt các mối hàn (*D không nhớ tên, địa chỉ của cửa hàng*) của thùng nước rồi để tại bãi đỗ xe và tháo tấm mặt sàn thùng xe ra kho thành nhiều miếng nhỏ đem bán cho một người thu mua phế liệu (*D không biết tên, tuổi, địa chỉ*). Đến ngày 20/11/2019, D đến công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ sản xuất N thuê 04 tấm thép có tổng khối lượng là 4.600kg của anh Đặng Văn M, sinh năm 1983 trú tại số 28 thôn H, xã T, huyện T, TP. Hà Nội là Giám đốc công ty trong thời hạn 01 tuần với giá 6.000.000đ, D đặt cọc số tiền 70.000.000 đồng, D nhờ anh M thuê 01 chiếc xe cầu ở gần công ty (*anh M không nhớ đã thuê của ai*) để cầu 04 tấm thép trên đặt phía dưới mặt thùng xe rồi đặt tấm mặt sàn thùng xe lên để không bị phát hiện. Ngày 21/11/2019, D đến làm việc, giao nộp xe ô tô tải trên cho Công an huyện V và khai báo với Cơ quan điều tra những nội dung đã thống nhất với T và Nguyễn Xuân A. Đến ngày 16/5/2020, D mới khai báo nội dung tháo thùng nước để che giấu hành vi của T và giao nộp thùng nước tự chế làm bằng kim loại hình hộp chữ nhật, kích thước (2,06 x 2,28 x 0,87)m đã tháo trên xe ô tô BKS 29C-980.20 cho Công an huyện V. Ngày 02/10/2020, Vũ Tiến D đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 30.000.000đ.

Tại biên bản xác định thể tích và khối lượng thùng kim loại xác định: Thùng kim loại có kích thước (2m06 x 2m28 x 0,87m), tương ứng với thể tích 4,086m³. Khối lượng của thùng kim loại là 470kg.

Tiến hành thực nghiệm điều tra ngày 22/5/2020 lắp đặt thùng tự chế lên thùng xe tự chế biển số 29C-980.20 xác định khối lượng là 6.740kg, sau khi bơm nước đầy khối lượng là 10.765kg. Như vậy mỗi chuyến hàng T đã gian lận được khối lượng hàng tương đương khối lượng nước đã bơm vào.

Đối với việc khối lượng xe tải sau khi lắp thùng tự chế và được bơm đầy nước trong quá trình thực nghiệm là 10.765kg thấp hơn khối lượng xe tải khi T sử dụng để mua hàng lần đầu của Công ty là 11.035 do trước khi thuê các tấm thép đặt lên sàn thùng xe, D đã kho, cắt nhỏ mặt sàn thùng xe để bán phế liệu với khối lượng hơn 200kg. Đối với việc có chênh lệch khối lượng hàng của ba lần là: 4.072kg; 4.044kg và 4.030 kg do việc mua hàng của T diễn ra hai địa điểm khác nhau, sử dụng trạm cân điện tử khác nhau để cân tải A xe, nên dẫn đến số liệu chênh lệch.

Đối với chiếc xe ô tô tải BKS 29C - 980.20 D khai: đầu năm 2019, D mua của chủ họ tên Vũ Tiến Th SN 1987, trú tại Tổ 17, phường S, quận L, TP. Hà Nội. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác M tại địa điểm trên nhưng không xác định được người có tên là Vũ Tiến Th.

Đối với 04 tấm thép D thuê của anh M, ngày 23/11/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên trả lại cho D 04 tấm thép trên.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty đã nhận được số tiền: 471.500.000đ. Trong đó Nguyễn Viết A giao nộp 20.000.000đ, Ngô Quang T bồi thường 451.500.000đ. Công ty không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Ngô Quang T và đồng phạm.

Cáo trạng số 23/CT-VKS-P3 ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã truy tố Ngô Quang T và Nguyễn Xuân A về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; Vũ Tiến D về tội Che giấu tội phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội của bản thân, xin giảm nhẹ hình phạt.

Các luật sư bào chữa cho các bị cáo T, A đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện bị hại vắng mặt, không yêu cầu bồi thường và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Anh Ngô Quang H và chị Nguyễn Thị H là bố mẹ đẻ bị cáo T xác định đã bồi thường thiệt hại cho Công ty Z thay bị cáo T với số tiền là 450.000.000đ và không yêu cầu bị cáo có trách nhiệm hoàn trả anh chị số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Ngô Quang T, Nguyễn Xuân A phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo Vũ Tiến D phạm tội Che giấu tội phạm.

- **Áp dụng:** điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Quang T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 14/5/2020.

- **Áp dụng:** điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân A từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/8/2020.

- **Áp dụng:** điểm c khoản 1 Điều 389; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Tiến D 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Xử lý vật chứng: Trả lại Vũ Tiến D 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Thaco BKS 29C-980.20, 01 thùng tự chế bằng kim loại cùng các giấy tờ xe. Lưu trong hồ sơ

vụ án 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu giám định. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước với số tiền 38.500.000đ đang gửi tại Kho bạc nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Hưng Yên và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo khai báo tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của Ngô Quang T, Nguyễn Xuân A, Vũ Tiến D tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của bị cáo trước Cơ quan điều tra, với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ đó là: Đơn trình báo của Công ty cổ phần Z, kết luận định giá tài sản, kết luận giám định, lời khai của bị hại, lời khai những người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 26/10/2019, tại công ty Z Việt Nam địa chỉ Khu công nghiệp Tg, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên, Ngô Quang T và Nguyễn Xuân A đã có hành vi gian dối bơm nước vào thùng kim loại tự chế (2,06 x 2,28 x 0,87)m được lắp ngay sau cabin xe ô tô tải BKS 29C-980.20 nhằm gian lận khối lượng xe khi mua hàng để chiếm đoạt 12.146kg nhôm phế liệu trị giá 546.570.000đ của công ty Z.

Sau khi biết hành vi phạm tội của Ngô Quang T và Nguyễn Xuân A bị phát hiện. Vũ Tiến D đã tháo thùng kim loại tự chế trên xe ô tô BKS 29C-980.20 và đặt lên sàn thùng xe 04 tấm thép có khối lượng 4.600kg tương đương với khối lượng thùng nước tự chế khi bơm đầy nước, đồng thời khai báo gian dối với Cơ quan điều tra để che giấu hành vi phạm tội của Ngô Quang T và Nguyễn Xuân A. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã truy tố Ngô Quang T, Nguyễn Xuân A về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; Vũ Tiến D về tội Che giấu tội phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi của Ngô Quang T, Nguyễn Xuân A là đặc biệt nghiêm trọng; xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu và bức xúc trong nhân dân. Hành vi phạm tội của Vũ Tiến D là nghiêm A, khai báo gian dối với Cơ quan điều tra để che giấu hành vi phạm tội của Ngô Quang T và Nguyễn Xuân A, gây cản trở trong quá trình điều tra, làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của

mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ, mục đích vụ lợi và do thiếu hiểu biết pháp luật nên các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, cần phải xét xử vụ án nghiêm minh dành cho mỗi bị cáo một mức hình phạt tương xứng với vị trí vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của từng bị cáo, để cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về vị trí, vai trò; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về vị trí, vai trò: Trong vụ án này, Ngô Quang T là người chủ mưu, đồng thời là người thực hành tích cực hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty Z. Nguyễn Xuân A thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giúp sức cho T, vai trò không đáng kể. Vũ Tiến D độc lập thực hiện hành vi phạm tội Che giấu tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, A, D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo T, A, D đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm của các bị cáo gây ra, đại diện bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo T có bà nội được tặng thưởng Bằng khen, bác ruột là liệt sỹ. Bị cáo Nguyễn Xuân A được tặng danh hiệu chiến sỹ tiên tiến trong thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự. Bị cáo D có ông, bà nội được tặng giấy khen, huân chương kháng chiến, bị cáo có đơn xin được cải tạo tại địa Ph. Các bị cáo T, A, D đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo A lái xe thuê, được hưởng lợi ít nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[5] Về hình phạt: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như đã phân tích ở trên, xét thấy:

Bị cáo T có vai trò là chủ mưu, đồng thời thực hành tích cực, được hưởng phần lớn số tiền chiếm đoạt phải chịu trách nhiệm cao nhất trong vụ án. Bị cáo A là đồng phạm giúp sức, vai trò không đáng kể, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên chịu trách nhiệm thấp hơn mức hình phạt của T. Tuy nhiên, các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. HĐXX sẽ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử các bị cáo T, A dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo. Do vậy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, với mức án như đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp. Bị cáo D độc lập thực hiện hành vi phạm tội che giấu tội phạm, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo nên xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo T, A phạm tội với động cơ vụ lợi, lẽ ra phải phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập ổn định và

phải trả cho các bị hại một khoản tiền lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự:

Công ty cổ phần Z đã nhận được số tiền 471.500.000đ do các bị cáo T, anh Nguyễn Viết A hoàn trả và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[8] Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra đã thu giữ của Vũ Tiến D:

01 xe ô tô tải nhãn hiệu Thaco BKS 29C-980.20, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 456706, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số BB 190315222, 01 Giấy chứng nhận kiểm định số KD 0510566 đang lưu trong hồ sơ vụ án, 01 thùng tự chế bằng kim loại dạng hình hộp chữ nhật, đáy thùng có 02 ống hình trụ bằng kim loại, mặt trên của thùng có 01 lỗ hình tròn. Xét thấy chiếc xe ô tô, thùng tự chế, và các loại giấy trên không liên quan đến việc phạm tội nên giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên để trả lại cho Vũ Tiến D.

01 phòng bì niêm phong hoàn mẫu giám định số 3184/C09-P6 có 03 dấu tròn đỏ của Viện KH học hình sự Bộ Công an (có USB) là chứng cứ của vụ án, tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 38.500.000đ đang gửi tại Kho bạc nhà nước trong đó thu của anh Nguyễn Viết A 5.000.000đ, bị cáo D 30.000.000đ, bị cáo Nguyễn Xuân A tự nguyện giao nộp 3.500.000đ. Xét đây là số tiền anh Nguyễn Viết A và các bị cáo D, A được hưởng lợi bất chính nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo T, A, D đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố:

Các bị cáo Ngô Quang T, Nguyễn Xuân A phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo Vũ Tiến D phạm tội Che giấu tội phạm.

- **Áp dụng:** điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Ngô Quang T, Nguyễn Xuân A. Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân A;

Xử phạt: Bị cáo Ngô Quang T 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 14/5/2020.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân A 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/8/2020.

- **Áp dụng:** điểm c khoản 1 Điều 389; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Tiến D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Vũ Tiến D cho UBND phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì có thể bị Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại Vũ Tiến D: 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Thaco BKS 29C-980.20, số máy YC4E14020E12F700945, số khung RNHA 1425AFC055932; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 456706; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số BB 190315222; 01 Giấy chứng nhận kiểm định số 0510566; 01 thùng tự chế bằng kim loại dạng hình hộp chữ nhật kích thước (2,06 x 2,28 x 0,87)m, đáy thùng có 02 ống hình trụ bằng kim loại, đường kính mỗi ống là 12cm, mặt trên của thùng có 01 lỗ hình tròn đường kính 10cm.

- Lưu trong hồ sơ vụ án 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu giám định số 3184/C09-P6 có 03 dấu tròn đỏ của Viện khoa học hình sự Bộ Công an.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước với số tiền 38.500.000đ (*ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*) đang gửi tại Kho bạc nhà nước.

(*Tình trạng, đặc điểm các vật chứng nêu trên được mô tả theo Quyết định chuyển vật chứng số 04/QĐ-VKS-P3 ngày 22/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên*).

3. Án phí: Các bị cáo Ngô Quang T, Nguyễn Xuân A, Vũ Tiến D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và những người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (trích lục bản án) hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CQ CSĐT-Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLVNQLQ;
- Luật sư;
- Lưu HSYA, VP, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thường

